

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ – BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 22.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch tiếng Anh : CONSULTANT AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY AND EQUIPMENT

Tên viết tắt : CONINCO

Trụ sở chính : Số 4, phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Công	Chủ tịch HĐQT
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên
	Ông Hà Minh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
	Ông Phan Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Công	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Đào	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hà Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Lương Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Trường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Số. 287/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị
và Kiểm định Xây dựng - CONINCO

Kính gửi:**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10/04/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 13 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến giới hạn do không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định; Chưa nhận được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu phải trả; Phạm vi kiểm toán không bao gồm việc thực hiện kiểm toán Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Xây dựng và Kiểm định môi trường. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm hiện tại.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến điểm 5.6 trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty hiện đang ghi nhận tài sản cố định vô hình có nguyên giá ban đầu 1.150.000.000 VND là giá trị thương hiệu nhận bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1770/QĐ-BXD ngày 22/12/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO. Việc ghi nhận này có sự khác biệt so với các quy định về kế toán hiện hành.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+140+150)	100		247.301.440.956	247.926.000.994
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.506.980.838	46.060.189.330
1. Tiền	111		22.506.980.838	46.060.189.330
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.411.498.958	85.959.787.056
1. Phải thu khách hàng	131		21.295.505.981	15.651.002.662
2. Trả trước cho người bán	132		22.281.985.485	21.476.083.009
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	34.834.007.492	48.832.701.385
IV- Hàng tồn kho	140		71.825.725.079	62.952.459.210
1. Hàng tồn kho	141	5.3	71.825.725.079	62.952.459.210
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		46.557.236.081	52.953.565.398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.652.396.777	3.607.445.461
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.997.482	440.081.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		9.017.366	10.351.661
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	39.884.824.456	48.895.686.395
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 220+240+250+260)	200		39.055.629.917	30.788.122.702
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		27.250.329.957	16.344.346.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	13.410.771.998	14.780.129.461
- Nguyên giá	222		37.647.558.238	37.075.918.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.236.786.240)	(22.295.788.777)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.423.557.959	1.564.217.352
- Nguyên giá	228		1.828.728.180	1.749.728.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(405.170.221)	(185.510.828)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	12.416.000.000	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	8.345.000.000	10.645.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.595.000.000	9.895.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		750.000.000	750.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		3.460.299.960	3.798.775.889
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.110.299.960	2.672.038.039
3. Tài sản dài hạn khác	248		350.000.000	1.126.737.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		286.357.070.873	278.714.123.696

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		252.257.914.133	245.497.140.028
I- Nợ ngắn hạn	310		252.257.914.133	245.071.607.678
2. Phải trả người bán	312		8.878.081.509	15.182.490.135
3. Người mua trả tiền trước	313		167.159.773.956	168.297.883.187
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.081.750.234	1.891.044.450
5. Phải trả người lao động	315		3.545.857.609	3.775.732
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.11	71.191.366.887	59.204.152.666
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		401.083.938	492.261.508
II- Nợ dài hạn	330		-	425.532.350
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	425.532.350
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		34.099.156.740	33.216.983.668
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	34.099.156.740	33.216.983.668
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.076.953.189	2.224.754.745
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.130.976.440	1.204.877.218
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.891.227.111	7.787.351.705
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		286.357.070.873	278.714.123.696

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

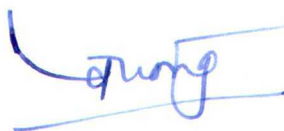
Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại - USD		94.760,40	18.632,40

Người lập biểu



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	172.336.350.943	182.941.466.304
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		172.336.350.943	182.941.466.304
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	137.730.853.517	147.049.205.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		34.605.497.426	35.892.260.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	8.654.758.274	8.559.428.087
7. Chi phí tài chính	22		599.844.018	38
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		586.039.165	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.884.380.814	35.189.130.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.776.030.868	9.262.557.995
11. Thu nhập khác	31		3.101.287.005	3.004.515.557
12. Chi phí khác	32		550.528.815	7.386.244
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.16	2.550.758.190	2.997.129.313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		11.326.789.058	12.259.687.308
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	2.949.034.602	2.998.695.090
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.377.754.456	9.260.992.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	3.808	4.210

Người lập biểu



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường



Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
1	2	4	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	189.372.948.968	227.152.253.694
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(120.434.006.425)	(124.500.153.330)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.255.285.615)	(105.733.077.777)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.404.170)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.415.264.064)	(4.010.262.724)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	64.300.542.145	71.201.399.342
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(102.327.917.453)	(100.976.805.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.238.613.386	(36.866.646.222)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.588.504.672)	(228.786.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	54.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(84.650.000.000)	(3.720.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	56.650.000.000	969.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.300.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.144.309.477	5.549.092.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.144.195.195)	2.623.851.703
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	179.140.000	350.000.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.815.352.000)	(4.237.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.636.212.000)	(3.887.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(23.541.793.809)	(38.129.994.519)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.060.189.330	84.053.943.900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(11.414.683)	136.239.949
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	22.506.980.838	46.060.189.330

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - CONINCO (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng theo Quyết định số 1770/QĐ - BXD ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106169, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 22.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Vốn Nhà nước	1.122.000	11.220.000.000	51%
Các cổ đông khác	1.078.000	10.780.000.000	49%
Tổng	2.200.000	22.000.000.000	100%

Số lao động bình quân: 901 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường);
- Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết các công trình xây dựng;
- Thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng;
- Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hóa, tuyển chọn tư vấn, thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài;
- Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- Kiểm định chất lượng: công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khóa trao tay”;
- Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
- Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
- Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, quán ăn;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Thăm dò và khai thác mỏ;
- Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm ./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

	2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	5.617.447.682	3.977.600.213
Tiền gửi ngân hàng	16.889.533.156	42.082.589.117
Tổng	22.506.980.838	46.060.189.330

5.2 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Văn phòng Công ty	34.179.169.463	48.205.098.355
Phải thu khác-tiền điện	87.964.100	32.202.100
Phải thu khác-tiền điện thoại	19.313.458	29.652.616
Phải thu khác-tiền thuế VAT	2.004.000	41.979.489
Phải thu khác-tiền BHXH, BHYT, KPCĐ	641.362.777	525.649.857
Phải thu khác-tiền Photocopy, In ấn tài liệu	215.114.307	200.273.957
Phải thu khác-khấu hao TSCĐ	950.052.053	637.616.490
Phải thu khác	32.263.358.768	46.737.723.846
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	29.943.230	2.708.231
Phải trả phải nộp khác	29.943.230	2.708.231
Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ XD và KĐMT	624.894.799	624.894.799
Phải thu khác	624.894.799	624.894.799
Tổng	34.834.007.492	48.832.701.385

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.825.725.079	62.952.459.210
Tổng	71.825.725.079	62.952.459.210

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng thực hiện HĐKT	39.872.824.456	48.895.686.395
Cầm cố ký cược ký quỹ ngắn hạn	12.000.000	-
Tổng	39.884.824.456	48.895.686.395

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2012	15.040.432.242	12.042.754.680	5.209.121.137	4.783.610.179	37.075.918.238
Tăng trong năm	-	72.504.672	-	499.135.328	571.640.000
Mua trong năm	-	72.504.672	-	499.135.328	571.640.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	15.040.432.242	12.115.259.352	5.209.121.137	5.282.745.507	37.647.558.238
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	4.848.911.446	10.251.650.159	3.581.462.046	3.613.765.126	22.295.788.777
Tăng trong năm	594.812.935	160.258.525	532.163.211	653.762.792	1.940.997.463
Khấu hao trong năm	594.812.935	160.258.525	532.163.211	653.762.792	1.940.997.463
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	5.443.724.381	10.411.908.684	4.113.625.257	4.267.527.918	24.236.786.240
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	10.191.520.796	1.791.104.521	1.627.659.091	1.169.845.053	14.780.129.461
Tại 31/12/2012	9.596.707.861	1.703.350.668	1.095.495.880	1.015.217.589	13.410.771.998



5.6 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2012	Thương hiệu CONINCO	Phần mềm	Tổng
<u>Nguyên giá</u>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	599.728.180	1.749.728.180
Tăng trong năm	-	79.000.000	79.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	678.728.180	1.828.728.180
<u>Hao mòn lũy kế</u>			
Tại ngày 01/01	-	185.510.828	185.510.828
Tăng trong năm	-	219.659.393	219.659.393
Khấu hao trong năm	-	219.659.393	219.659.393
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	-	405.170.221	405.170.221
<u>Giá trị còn lại</u>			
Tại ngày 01/01	1.150.000.000	414.217.352	1.564.217.352
Tại ngày 31/12	1.150.000.000	273.557.959	1.423.557.959

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	-	-
Tăng	12.795.849.581	-
Giảm	379.849.581	-
Tại ngày 31 tháng 12	12.416.000.000	-
<u>Chi tiết theo nội dung</u>		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư xây dựng Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng- Xuân Phương Garden -DA2009	12.416.000.000	-
Tổng	12.416.000.000	-

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		1/1/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Vốn góp liên doanh		2.280.000.000		4.580.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật Công ty TNHH Xây lắp Cương Lĩnh	228.000	2.280.000.000	228.000	2.280.000.000
	-	-	-	2.300.000.000
Đầu tư Công ty vào liên doanh liên kết		5.315.000.000		5.315.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Tư vấn và Đầu tư	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư BĐS và Tư vấn Xây dựng	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
Đầu tư dài hạn khác		750.000.000		750.000.000
Công ty Bất Động Sản LILAMA LAND	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Tổng		8.345.000.000	-	10.645.000.000

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Thông tin về các khoản đầu tư

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	% sở hữu thực tế 31/12/2012
Vốn góp liên doanh				
Công ty Cổ phần Liên doanh Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	Bảo trì thang máy	6.000.000.000	38%	38%
Đầu tư Công ty và liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần CONINCO Máy Xây dựng và Công trình Công nghiệp	Tư vấn XD và thiết kế công nghiệp	4.200.000.000	25%	25%
Công ty Cổ phần CONINCO Tư vấn và Đầu tư	Tư vấn XD và Dịch vụ BĐS	2.500.000.000	25%	25%
Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ Xây dựng và Môi trường	Tư vấn XD và xử lý môi trường	3.000.000.000	25%	25%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây dựng Miền Nam	Tư vấn xây dựng	2.000.000.000	25%	25%
Công ty Cổ phần CONINCO Quản lý Dự án và Đầu tư	Tư vấn xây dựng	4.000.000.000	5%	5%
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	Tư vấn xây dựng	3.000.000.000	25%	25%
Công ty Cổ phần CONINCO 3C	Tư vấn xây dựng	2.000.000.000	36%	36%
Công ty Cổ phần CONINCO Đầu tư BĐS và Tư vấn Xây dựng	Tư vấn xây dựng	2.000.000.000	36%	36%

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.672.038.039	
Tăng	2.869.759.519	2.672.038.039
Giảm	2.431.497.598	
Tại ngày 31 tháng 12	3.110.299.960	2.672.038.039

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.920.375.170	2.672.038.039
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	189.924.790	-
Tổng	3.110.299.960	2.672.038.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	116.003.105	69.740.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	451.727.984	725.870.615
Thuế thu nhập cá nhân	14.018.981	-
Các loại thuế khác	462.320.164	1.095.433.194
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	37.680.000	-
Tổng	1.081.750.234	1.891.044.450

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	341.317.757	190.918.462
Bảo hiểm xã hội	306.647.706	423.819.448
Bảo hiểm y tế	963.487.249	6.831.371
Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.579.914.175	58.582.583.385
- <i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>55.290.749.422</i>	<i>45.904.921.836</i>
- <i>Phải thu nộp khác</i>	<i>14.289.164.753</i>	<i>12.677.661.549</i>
Tổng	71.191.366.887	59.204.152.666

5.12 Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn Nhà nước	11.220.000.000	11.220.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	10.780.000.000	10.780.000.000
Tổng	22.000.000.000	22.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết tăng/giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	22.000.000.000	45.684.675	1.371.462.817	814.690.912	8.058.027.415	32.289.865.819
Tăng trong năm	-	-	853.291.928	390.186.306	9.260.992.218	10.504.470.452
Tăng vốn	-	-	853.291.928	390.186.306	-	1.243.478.234
Lãi/lỗ	-	-	-	-	9.260.992.218	9.260.992.218
Giảm trong năm	-	45.684.675	-	-	9.531.667.928	9.577.352.603
Giảm khác	-	45.684.675	-	-	9.531.667.928	9.577.352.603
Số dư tại 31/12/2011	22.000.000.000	-	2.224.754.745	1.204.877.218	7.787.351.705	33.216.983.668
Số dư tại 01/01/2012	22.000.000.000	-	2.224.754.745	1.204.877.218	7.787.351.705	33.216.983.668
Tăng trong năm	-	-	1.852.198.444	926.099.222	8.377.754.456	11.156.052.122
Tăng vốn	-	-	1.852.198.444	926.099.222	-	2.778.297.666
Lãi/lỗ năm nay	-	-	-	-	8.377.754.456	8.377.754.456
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.273.879.050	10.273.879.050
Chia cổ tức	-	-	-	-	3.704.800.000	3.704.800.000
Trích quỹ	-	-	-	-	5.406.192.219	5.406.192.219
Giảm khác	-	-	-	-	1.162.886.831	1.162.886.831
Số dư tại 31/12/2012	22.000.000.000	-	4.076.953.189	2.130.976.440	5.891.227.111	34.099.156.740

5.12 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.704.396.887	-

Cổ phiếu

	Năm 2012 Cổ phiếu	Năm 2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

5.13 **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.336.350.943	182.941.466.304
Tổng	172.336.350.943	182.941.466.304

5.14 **Giá vốn dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn dịch vụ	137.730.853.517	147.049.205.449
Tổng	137.730.853.517	147.049.205.449

5.15 **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.529.919.102	5.655.869.609
Cổ tức và lợi nhuận được chia	179.140.000	201.600.000
Chuyển nhượng vốn góp DA tại Lào Cai	400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	197.220.951
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	136.239.949
Lãi cho vay vốn các trung tâm	35.287.218	-
Doanh thu nhượng quyền thương mại	2.472.235.169	2.368.497.578
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.176.785	-
Tổng	8.654.758.274	8.559.428.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Lợi nhuận khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	3.101.287.005	3.004.515.557
Thu tiền điện, nước, dịch vụ	634.122.660	-
Thuê văn phòng, sử dụng thiết bị các Trung tâm	1.720.876.725	-
Thu nhập khác	353.873.215	3.004.515.557
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	392.414.405	-
Chi phí khác	550.528.815	7.386.244
Tiền phạt thuế	503.364.673	-
Chi phí khác	47.164.142	7.386.244
Lợi nhuận khác	2.550.758.190	2.997.129.313

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.326.789.058	12.259.687.308
Điều chỉnh tăng	648.489.350	72.933.000
<i>Chi phí không hợp lý cho mục tiêu thuế</i>	<i>648.489.350</i>	<i>72.933.000</i>
Điều chỉnh giảm	179.140.000	337.839.949
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>179.140.000</i>	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.796.138.408	11.994.780.359
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.949.034.602	2.998.695.090

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.377.754.456	9.260.992.218
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.377.754.456	9.260.992.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành BQ trong kỳ	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.808	4.210

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.908.313.090	14.632.469.956
Chi phí nhân công	100.504.438.774	107.810.280.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.160.656.856	1.919.627.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.494.444.414	3.233.863.534
Chi phí khác bằng tiền	53.383.998.841	54.649.480.187
Tổng	172.451.851.975	182.245.722.602

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc của Công ty gồm có các khoản công nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.506.980.838	46.060.189.330
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.129.513.473	64.483.704.047
Đầu tư tài chính khác	28.000.000.000	-
Tổng cộng	106.636.494.311	110.543.893.377
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	80.069.448.396	74.386.642.801
Tổng cộng	80.069.448.396	74.386.642.801

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty chịu rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng cộng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	80.069.448.396	-	80.069.448.396
Tổng	80.069.448.396		80.069.448.396
01/01/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	74.386.642.801	-	74.386.642.801
Tổng	74.386.642.801		74.386.642.801

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Khoản mục	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.506.980.838	-	22.506.980.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.129.513.473	-	56.129.513.473
Đầu tư tài chính khác	28.000.000.000	-	28.000.000.000
Tổng	106.636.494.311		106.636.494.311
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.060.189.330	-	46.060.189.330
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.483.704.047	-	64.483.704.047
Tổng	110.543.893.377		110.543.893.377

6.2 Số liệu so sánh

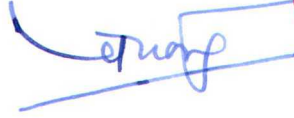
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận từng phần.

Người lập biểu



Lưu Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng



Lê Xuân Tường

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Công